

Số: 28/KH-KHCN

Bắc Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao chỉ số DDCI trong năm 2024 và các năm tiếp theo

Căn cứ Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và công bố xếp hạng Năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) tỉnh Bắc Giang năm 2023; Thông báo số 557/TB-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh về thông báo kết luận của đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị công bố xếp hạng Năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) và trao giải Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu và sáng kiến về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Bắc Giang” năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế để nâng cao chỉ số DDCI trong năm 2024 và các năm tiếp theo, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Duy trì và phát huy những kết quả đã đạt được; phấn đấu nâng hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở (DDCI) trong top 10.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 105-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư, không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng điều hành, đẩy mạnh chuyển đổi số vào phục vụ và hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Yêu cầu

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm và đạt được kết quả tốt trong hoạt động KH&CN.

II. MỤC TIÊU

- Năm 2024 phấn đấu nâng điểm chỉ số DDCI của Sở nằm trong top 10.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm cải thiện, giữ vững điểm số, thứ hạng của 02 chỉ số thành phần năm 2023 đang nằm trong top 10: Chỉ số Chi phí thời gian (xếp hạng 6) và Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp (xếp hạng 10). Chú trọng cải

thiện các chỉ số thành phần năm 2023 thấp: chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin; chỉ số chi phí không chính thức; chỉ số cạnh tranh bình đẳng; chỉ số thiết chế pháp lý; chỉ số tính năng động, sáng tạo; chỉ số vai trò người đứng đầu. Phấn đấu năm trong top 10 của tỉnh.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

- Lãnh đạo phụ trách: Ông Nguyễn Thanh Bình - Giám đốc Sở

- Đơn vị đầu mối: Trung tâm Ứng dụng KH&CN

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị còn lại của Sở

* Giải pháp thực hiện

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ công chức, viên chức về ý nghĩa của DDCI đối với việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin cũng như tham gia thực hiện thủ tục hành chính về lĩnh vực KH&CN.

- Đẩy mạnh việc công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành trên trang website của UBND tỉnh, của Sở và Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; nhập và công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định. Thực hiện nghiêm yết công khai các thủ tục hành chính theo quy định. Thực hiện công khai quy trình nội bộ giải quyết TTHC giúp cho việc kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, tạo sự minh bạch trong quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ.

- Tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp có cơ hội tham gia vào quá trình ban hành chính sách, phản biện và giám sát thực hiện chính sách liên quan đến hoạt động của ngành KH&CN.

- Cập nhật bổ sung và công khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cơ chế, chính sách của Ngành; cập nhật đầy đủ dữ liệu chuyên ngành lên hệ thống thông tin KH&CN nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận, tìm hiểu thông tin.

- Cung cấp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh tiếp cận thông tin đầy đủ, chính xác, thuận lợi, dễ dàng, minh bạch thông tin theo quy định, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết thủ tục hành chính.

- Tăng cường đối thoại, tiếp thu ý kiến phản biện của doanh nghiệp phản ánh về những vấn đề còn chưa minh bạch, rõ ràng trong cơ chế, chính sách và giải quyết TTHC liên quan đến doanh nghiệp thông qua nhiều hình thức như: Tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp; trả lời bằng văn bản; đường dây nóng; trao đổi thông tin qua mạng Internet dưới hình thức: email và các ứng dụng mạng xã hội zalo, facebook...

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động của Ban Giám đốc Sở, Lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở và công chức, viên chức của Sở, đặc biệt là Ban biên tập website của Sở trong việc cập nhật, cung cấp đầy đủ thông tin lên Trang Thông tin điện tử của Sở, góp phần nâng cao Chỉ số thành phần tính minh bạch và tiếp cận thông tin liên quan đến hoạt động của ngành.

2. Chi phí không chính thức

- Lãnh đạo phụ trách: Triệu Ngọc Trung – Phó Giám đốc Sở

- Đơn vị đầu mối: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị còn lại của Sở

* Giải pháp thực hiện

- Thực hiện nghiêm việc chuyển đổi vị trí việc làm theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Không thực hiện việc tiếp khách trong phòng làm việc. Sở sẽ bố trí phòng riêng tiếp khách và làm việc với công dân, doanh nghiệp tại cơ quan. Khi có khách đến liên hệ công tác, Văn phòng Sở có trách nhiệm hướng dẫn khách tới vị trí làm việc đồng thời liên hệ với người cần gặp (là lãnh đạo Sở hoặc lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở hoặc công chức, viên chức của Sở) trực tiếp để hỗ trợ, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp ngay tại phòng tiếp công dân cơ quan.

- Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao văn hóa công vụ, phong cách ứng xử, lễ lối làm việc, đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ, đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức tập huấn cho công chức, viên chức nắm bắt đầy đủ các quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng và chính sách pháp luật của Nhà nước về thi hành công vụ.

- Lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở nâng cao trách nhiệm của mình trong việc giám sát, kiểm tra chặt chẽ đội ngũ công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà, khó khăn tạo gánh nặng cho doanh nghiệp trong quá trình giải quyết công việc, cung ứng dịch vụ hành chính công.

- Trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách hoặc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) tuyệt đối không được yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác ngoài quy định của Nhà nước.

- Tăng cường phối hợp với Trung tâm phục vụ hành chính công khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan trong giải quyết TTHC, kịp thời đưa ra những giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế từ các phiếu có nội dung mà người dân, tổ chức, doanh nghiệp đánh giá ở mức trung bình

trở xuống nhằm nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.

- Tăng cường vai trò của người đứng đầu cơ quan trong việc nắm bắt thông tin thông qua việc công khai đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, tố cáo của doanh nghiệp về các hành vi nhũng nhiễu của công chức, viên chức; xây dựng các công cụ hiện đại nhằm tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, tố cáo của doanh nghiệp và người dân về hành vi nhũng nhiễu của công chức, viên chức của Sở.

3. Chi phí thời gian

- Lãnh đạo phụ trách: Ông Triệu Ngọc Trung - Phó Giám đốc Sở

- Đơn vị đầu mối: Văn phòng Sở.

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị còn lại của Sở

* Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục nâng cao chất lượng cải cách hành chính, trong đó chú trọng cải cách thủ tục hành chính, thường xuyên rà soát các quy định, thủ tục hành chính nhằm đơn giản hóa TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước của Ngành, kịp thời phát hiện những thủ tục còn rườm rà, phức tạp gây khó khăn cho quá trình giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân, từ đó có giải pháp khắc phục kịp thời, xem đây là khâu đột phá để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường kiểm soát việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế “Một cửa điện tử”, đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn. Không để tổ chức, cá nhân đi lại quá một (01) lần để bổ sung hồ sơ; 100% trường hợp hồ sơ trễ hạn đều có văn bản nêu rõ lý do, xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn lại ngày trả kết quả theo quy định.

- Trong giải quyết công việc: Công chức, viên chức của Sở phải nâng cao đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh thần, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp; tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc và giải thích cụ thể, rõ ràng những thắc mắc của người dân, doanh nghiệp với phương châm “4 xin, 4 luôn”: Xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ. Không yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện những việc không có trong quy định. Tăng cường trách nhiệm của mình trong việc xử lý, giải quyết công việc, không đùn đẩy, né tránh công việc, không để xảy ra tình trạng hồ sơ giải quyết trễ hạn theo quy định.

- Về hoạt động thanh, kiểm tra: Có sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động thanh tra, kiểm tra; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thanh kiểm tra không thật sự cần thiết, chông chéo gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp phải đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm, tập trung thực hiện để sớm kết thúc Đoàn thanh, kiểm tra; sau khi kết thúc việc thanh tra, kiểm tra cần khẩn trương ban hành kết luận; tham mưu đề xuất hướng xử lý kết quả thanh tra theo quy định của pháp luật. Đối

với công tác này giao Thanh tra Sở chủ trì phối hợp với các phòng chuyên môn lên kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất tránh tình trạng việc thanh tra, kiểm tra chồng chéo gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm Chi thị số 01/CT-UBND ngày 08/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ.

4. Cạnh tranh bình đẳng

- Lãnh đạo phụ trách: Ông Nguyễn Phúc Thương – Phó Giám đốc Sở

- Đơn vị đầu mối: Phòng Quản lý khoa học.

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị còn lại của Sở

* Giải pháp thực hiện

- Thực hiện các giải pháp nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh thông thoáng, bình đẳng cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn; tăng cường tính công khai, minh bạch hoạt động đấu thầu tại Sở; kịp thời giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trong đấu thầu (nếu có) nhằm bảo đảm tính cạnh tranh công bằng, minh bạch; đẩy mạnh xây dựng chương trình chuyển đổi số nhằm phát triển chính quyền số...

- Tập trung đưa ra các giải pháp nhằm giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp trong hoạt động giải quyết thủ tục hành chính.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chủ trương, chính sách, hỗ trợ đối với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức để các doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận.

- Tuyên truyền tới toàn thể các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp các chủ trương của tỉnh, tăng cường các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp

- Lãnh đạo phụ trách: Ông Nguyễn Thanh Bình - Giám đốc Sở

- Đơn vị đầu mối: Phòng Quản lý Công nghệ và Thị trường công nghệ.

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị còn lại của Sở

* Giải pháp thực hiện

- Các phòng, đơn vị của Sở căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp tham mưu lãnh đạo Sở đối thoại với doanh nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp đối với các nội dung liên quan đến lĩnh vực hoạt động KH&CN.

- Tập trung tháo gỡ và giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển.

- Kịp thời giải đáp các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; phân đấu để doanh nghiệp hài lòng với phản hồi của Sở, ban, ngành về khó khăn, vướng mắc.

6. Thiết chế pháp lý

- Lãnh đạo phụ trách: Ông Triệu Ngọc Trung - Phó Giám đốc Sở

- Đơn vị đầu mối: Thanh tra Sở
- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị còn lại của Sở

*** Giải pháp thực hiện**

- Tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật của ngành KH&CN cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

- Tăng cường rà soát, kịp thời tham mưu, đề xuất xây dựng, sửa đổi các chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực của ngành KH&CN đảm bảo đúng quy trình và quy định của pháp luật; phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, đảm bảo tính khả thi, tính hiệu quả trên tinh thần tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc tra cứu, áp dụng.

- Nhiệm vụ cải cách thể chế, xây dựng các văn bản chính sách phải được triển khai đồng bộ, gắn bó mật thiết với yêu cầu cải cách TTHC, tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính, hiện đại hóa hành chính.

- Tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, đối thoại, tọa đàm với các doanh nghiệp nhằm kịp thời cung cấp các thông tin, chính sách, quy định của pháp luật mới ban hành liên quan đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp; đẩy mạnh hoạt động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị loại bỏ những nội dung không phù hợp với quy định hoặc gây phiền hà các doanh nghiệp.

7. Tính năng động, sáng tạo và hiệu quả hoạt động

- Lãnh đạo phụ trách: Ông Nguyễn Phúc Thương – Phó Giám đốc Sở
- Đơn vị đầu mối: Phòng Quản lý khoa học công nghệ cơ sở và sở hữu trí tuệ.
- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị còn lại của Sở

*** Giải pháp thực hiện**

- Tăng cường học hỏi, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng điều hành, tăng tính năng động, sáng tạo của Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở.

- Thể hiện rõ nét hơn mức độ thân thiện giữa chính quyền với doanh nghiệp.

- Thay đổi căn bản phương thức chỉ đạo điều hành, quản lý truyền thống sang điện tử và dựa trên dữ liệu số.

- Tăng cường bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, tinh thần, đạo đức công vụ của đội ngũ công chức, viên chức trong xây dựng và tổ chức thực thi pháp luật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm, tiêu cực của công chức, viên chức trong thực thi công vụ, giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường nắm bắt và xử lý các vấn đề chính sách, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, đặc biệt là giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

- Chủ động rà soát, đề xuất biện pháp các nội dung thuộc lĩnh vực KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp.

- Tăng cường đôn đốc, triển khai có hiệu quả những nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

8. Vai trò của người đứng đầu Sở ban ngành

- Lãnh đạo phụ trách: Ông Nguyễn Thanh Bình - Giám đốc Sở

- Đơn vị đầu mối: Văn phòng Sở

- Đơn vị phối hợp: Các phòng, đơn vị còn lại của Sở.

* Giải pháp thực hiện

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, nhằm tạo sự chuyển biến căn bản, rõ nét về tư duy, nhận thức, quan điểm chỉ đạo và triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp trong phát triển sản xuất, kinh doanh, đầu tư.

- Tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư định kỳ ít nhất 01 lần/năm để lắng nghe và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp cũng như tạo sự gần gũi, thân thiện giữa chính quyền và doanh nghiệp.

- Nâng cao vai trò cầu nối, nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp để kịp thời có giải pháp tháo gỡ.

- Công khai đường dây nóng của Sở (số điện thoại của Giám đốc Sở) để tiếp nhận và phản hồi quá trình giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp, góp phần tạo sự minh bạch trong môi trường đầu tư, kinh doanh cho các doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC; công khai quy trình giải quyết TTHC tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận cũng như giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của Sở.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở căn cứ giải pháp, mục tiêu, nhiệm vụ được nêu trong kế hoạch và các chỉ tiêu đánh giá của các Chỉ số thành phần-Bộ chỉ số DDCI cấp sở, ban ngành; được ban hành kèm theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan chủ động tham mưu biện pháp cụ thể để nâng cao chỉ số thành phần DDCI được phân công do mình chủ trì.

2. Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại kế hoạch, các đồng chí lãnh đạo Sở có nhiệm vụ chỉ đạo các phòng, đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mối đối với các Chỉ số thành phần được giao phụ trách nhằm đạt mục tiêu đã đặt ra.

3. Các phòng, đơn vị được giao đầu mối tổng hợp kết quả đối với các chỉ số thành phần được giao đầu mối, gửi báo cáo định kỳ hằng quý (trước ngày 25 tháng

cuối quý) và hằng năm (trước ngày 05/12 hằng năm) cho Văn phòng Sở tổng hợp báo cáo lãnh đạo Sở.

4. Các phòng, đơn vị được giao chủ trì báo cáo kết quả thực hiện đối với các chỉ số thành phần được giao chủ trì cho phòng, đơn vị là đầu mối để tổng hợp gửi Văn phòng Sở. Cụ thể gửi báo cáo định kỳ hằng quý (trước ngày 22 tháng cuối quý) và hằng năm (trước ngày 02/12 hằng năm).

5. Trung tâm Ứng dụng KH&CN có trách nhiệm đăng tải nội dung kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử của Sở.

6. Văn phòng Sở có trách nhiệm:

- Tham mưu phổ biến sâu rộng về Kế hoạch này tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Sở.

- Đôn đốc việc triển khai kế hoạch, là đơn vị đầu mối tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao đầu mối các chỉ số thành phần báo cáo lãnh đạo Sở.

7. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc phải kịp thời phản ánh về Văn phòng Sở để báo cáo lãnh đạo Sở để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ ĐẦU MỐI CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN DDCI
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày /01/2024 của Sở KH&CN)

| TT | Chỉ số thành phần | Điểm năm 2023 | Xếp hạng năm 2023 | Mục tiêu xếp hạng 2024 | Lãnh đạo Sở phụ trách | Đơn vị đầu mối |
|----|---------------------------------------|---------------|-------------------|------------------------|-----------------------|--|
| 1 | Tính minh bạch và tiếp cận thông tin | 4,86 | 14 | Tốp 10 | Nguyễn Thanh Bình | Trung tâm Ứng dụng KH&CN |
| 2 | Chi phí không chính thức | 4,83 | 14 | Tốp 10 | Triệu Ngọc Trung | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
| 3 | Chi phí thời gian | 7,27 | 6 | ≥ 6 | Triệu Ngọc Trung | Văn phòng Sở |
| 4 | Cạnh tranh bình đẳng | 5,15 | 15 | Tốp 10 | Nguyễn Phúc Thương | Phòng Quản lý khoa học |
| 5 | Hỗ trợ doanh nghiệp | 6,39 | 10 | Tốp 10 | Nguyễn Thanh Bình | Phòng Quản lý công nghệ và Thị trường công nghệ |
| 6 | Thiết chế pháp lý | 5.89 | 11 | Tốp 10 | Triệu Ngọc Trung | Thanh tra Sở |
| 7 | Tính năng động, sáng tạo | 3,41 | 18 | Tốp 10 | Nguyễn Phúc Thương | Phòng Quản lý khoa học công nghệ cơ sở và sở hữu trí tuệ |
| 8 | Vai trò người đứng đầu Sở, ban, ngành | 7,88 | 14 | Tốp 10 | Nguyễn Thanh Bình | Văn phòng Sở |

Phụ lục II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHI TIẾT CẢI THIỆN CHỈ SỐ DDCI CỦA SỞ NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-KHCN ngày / /2024 của Sở KH&CN)

| TT | CHỈ SỐ THÀNH PHẦN | LÃNH ĐẠO SỞ PHỤ TRÁCH | ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI | ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ | ĐƠN VỊ PHỐI HỢP |
|----------|--|--------------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Tính minh bạch và tiếp cận thông tin | Nguyễn Thanh Bình | Trung tâm Ứng dụng KH&CN | | Các phòng, đơn vị |
| | <i>Tiếp cận thông tin</i> | | | | |
| 1.1 | Mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin | | | Trung tâm Ứng dụng KH&CN | |
| 1.2 | Mức độ tiếp cận các thông tin không được công bố công khai | | | Trung tâm Ứng dụng KH&CN | |
| 1.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "mối quan hệ" sẽ giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của sở, ban ngành | | | Trung tâm Ứng dụng KH&CN | |
| 1.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá bộ phận "Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả" của sở, ban, ngành cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến | | | Văn phòng Sở | |
| 1.5 | Tỷ lệ doanh nghiệp thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập Cổng thông tin điện tử | | | Trung tâm Ứng dụng KH&CN | |
| | <i>Minh bạch thông tin</i> | | | | |
| 1.6 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính được niêm yết công khai | | | Văn phòng Sở | |
| 1.7 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phí và lệ phí được niêm yết công khai | | | Văn phòng Sở | |
| 1.8 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các thông tin về quy hoạch, số liệu thống kê được niêm yết công khai | | | Trung tâm Ứng dụng KH&CN | |
| 1.9 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá website của đơn vị được đánh giá có chuyên mục giải đáp các thắc mắc/ý kiến của doanh nghiệp | | | Trung tâm Ứng dụng KH&CN | |

| 2 | Chi phí không chính thức (<i>chi phí ngầm</i>) | Triệu Ngọc Trung | Chi cục TCĐLCL | | Các phòng, đơn vị |
|-----|--|-------------------------|-----------------------|--|--------------------------|
| | <i>Thực trạng chi phí không chính thức</i> | | | | |
| 2.1 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến tại cơ quan của sở, ban, ngành | | | Các phòng, đơn vị khi phát sinh công việc với DN | |
| 2.2 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết thủ tục hành chính | | | | |
| 2.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ gây khó khăn để trục lợi | | | | |
| 2.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại đơn vị được đánh giá | | | | |
| | <i>Mức trả chi phí không chính thức</i> | | | | |
| 2.5 | Tỷ lệ doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức đáng kể so với doanh thu | | | | |
| 2.6 | Mức độ doanh nghiệp đánh giá tiêu cực xu hướng chi phí không chính thức so với các năm trước | | | | |
| 3 | Chi phí thời gian | Triệu Ngọc Trung | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị |
| | <i>Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)</i> | | | | |
| 3.1 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản | | | Các phòng, đơn vị có hồ sơ giải quyết TTHC | |
| 3.2 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ “Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả” (hoặc các bộ phận có giao dịch cùng doanh nghiệp) ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực | | | | |
| 3.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết TTHC theo đúng hoặc nhanh hơn quy định pháp luật hiện hành | | | | |
| 3.4 | Mức độ doanh nghiệp đánh giá số lần hồ sơ bị trả lại nhiều nhất | | | | |

| | | | | | |
|----------|---|---------------------------|-------------------------------|--|--------------------------|
| 3.5 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá còn hiện tượng cán bộ đi muộn về sớm | | | Văn phòng Sở | |
| 3.6 | Tỷ lệ doanh nghiệp còn phải sử dụng dịch vụ của bên thứ ba hoặc người quen để làm thủ tục hành chính | | | Văn phòng Sở | |
| 3.7 | Tỷ lệ doanh nghiệp gặp trường hợp đùn đẩy trách nhiệm giữa các sở, ban, ngành | | | Các phòng, đơn vị có hồ sơ liên quan đến giải quyết TTHC, nội dung công việc của DN | |
| | <i>Thời gian thanh tra, kiểm tra</i> | | | | |
| 3.8 | Số lần thanh tra, kiểm tra riêng của chính quyền sở, ban, ngành trong 1 năm | | | - Thanh tra Sở (chủ trì lĩnh vực được phân công) - Chi cục TCĐLCL (chủ trì lĩnh vực được phân công) | |
| 3.9 | Số thời gian trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra riêng của chính quyền sở, ban, ngành | | | | |
| 3.10 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra riêng của chính quyền sở, ban, ngành gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh | | | | |
| 4 | Cạnh tranh bình đẳng | Nguyễn Phúc Thương | Phòng Quản lý khoa học | | Các phòng, đơn vị |
| | <i>Ưu ái cho doanh nghiệp thân hữu</i> | | | | |
| 4.1 | Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sân sau và doanh nghiệp thân hữu của sở, ban, ngành | | | - Chi cục TCĐLCL (chủ trì lĩnh vực được phân công khi liên quan đến hỗ trợ, giải quyết vướng mắc của DN) - Phòng Quản lý khoa học (chủ trì lĩnh vực được phân công khi liên quan đến hỗ trợ, giải quyết vướng mắc của DN) - Phòng Quản lý khoa học công nghệ cơ sở và SHTT (chủ trì lĩnh vực được phân công khi liên quan đến hỗ trợ, giải quyết | |
| 4.2 | Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho doanh nghiệp sân sau và doanh nghiệp thân hữu trong việc tiếp cận các nguồn lực nhà nước (bao gồm: các hợp đồng từ cơ quan nhà nước, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước) | | | | |
| 4.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp sân sau trong việc tiếp cận thông tin (quy hoạch, các dự án đầu tư công....) | | | | |
| 4.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho | | | | |

| | | | | | |
|----------|--|--------------------------|--|--|--------------------------|
| | các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp sân sau về giải quyết thủ tục hành chính | | | vướng mắc của DN) - Phòng Quản lý công nghệ và Thị trường công nghệ (chủ trì lĩnh vực được phân công khi liên quan đến hỗ trợ, giải quyết vướng mắc của DN) | |
| 4.5 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp sân sau gây khó khăn cho doanh nghiệp | | | | |
| | <i>Đổi xử bình đẳng</i> | | | | |
| 4.6 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sự quan tâm của sở, ban, ngành không phụ thuộc nhiều vào quy mô đóng góp của doanh nghiệp | | | | |
| 5 | Hỗ trợ doanh nghiệp | Nguyễn Thanh Bình | Phòng Quản lý công nghệ và Thị trường công nghệ | | Các phòng, đơn vị |
| | <i>Hỗ trợ doanh nghiệp</i> | | | | |
| 5.1 | Tỷ lệ doanh nghiệp được mời tham gia các chương trình hỗ trợ của sở, ban, ngành | | | - Chi cục TCĐLCL (chủ trì lĩnh vực được phân công khi liên quan đến hỗ trợ DN) | |
| 5.2 | Mức độ đa dạng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp | | | - Phòng Quản lý khoa học (chủ trì lĩnh vực được phân công khi liên quan đến hỗ trợ DN) | |
| 5.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành là thực chất | | | - Phòng Quản lý khoa học công nghệ cơ sở và SHTT (chủ trì lĩnh vực được phân công khi liên quan đến hỗ trợ DN) | |
| 5.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành đã có cải thiện nhiều | | | - Phòng Quản lý công nghệ và Thị trường công nghệ (chủ trì lĩnh vực được phân công khi liên quan đến hỗ trợ DN) | |
| 5.5 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ của sở, ban, ngành hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nhanh chóng, nhiệt tình | | | | |
| | <i>Đối thoại doanh nghiệp</i> | | | | |
| 5.6 | Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng việc phản ánh khó khăn, vướng mắc với sở, ban, ngành là không có kết quả | | | | |
| 5.7 | Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được phản hồi của sở, ban, ngành khi phản ánh vướng mắc | | | | |

| | | | | | |
|----------|--|---------------------------|---|--------------|--------------------------|
| 5.8 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hài lòng với sự phản hồi của sở, ban, ngành về khó khăn, vướng mắc | | | | |
| 6 | Thiết chế pháp lý | Triệu Ngọc Trung | Thanh tra Sở | | Các phòng, đơn vị |
| | <i>Phổ biến pháp luật</i> | | | | |
| 6.1 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành công khai các văn bản pháp luật | | | Văn phòng Sở | |
| 6.2 | Mức độ đa dạng các hình thức công khai văn bản pháp luật | | | Văn phòng Sở | |
| | <i>Thực thi pháp luật</i> | | | | |
| 6.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng | | | Thanh tra Sở | |
| 6.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy định, quy trình | | | Thanh tra Sở | |
| 6.5 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp để thực hiện đúng các quy định của văn bản pháp luật | | | Thanh tra Sở | |
| | <i>Tuân thủ pháp luật của sở, ban, ngành</i> | | | | |
| 6.6 | Mức độ đánh giá tích cực của doanh nghiệp nếu bắt gặp cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan sở, ban, ngành làm trái với các quy định của pháp luật | | | Thanh tra Sở | |
| 7 | Tính năng động, sáng tạo | Nguyễn Phúc Thương | Phòng Quản lý khoa học công nghệ cơ sở và sở hữu trí tuệ | | Các phòng, đơn vị |
| | <i>Tính năng động, sáng tạo</i> | | | | |
| 7.1 | Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về khả năng nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi quyền hạn của sở, ban, ngành | | | | |

| | | | | | |
|----------|---|--------------------------|---------------------|--|--------------------------|
| 7.2 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất hoặc giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp | | | Các phòng, đơn vị chủ trì theo lĩnh vực được phân công, tham mưu | |
| 7.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh | | | | |
| 7.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp | | | | |
| | <i>Hiệu quả hoạt động</i> | | | | |
| 7.5 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực hiện có hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh | | | | |
| 7.6 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh | | | | |
| 8 | Vai trò người đứng đầu | Nguyễn Thanh Bình | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị |
| | <i>Công tác điều hành của lãnh đạo</i> | | | | |
| 8.1 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành chỉ đạo thực hiện quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ. | | | Văn phòng Sở | |
| 8.2 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp | | | Các phòng, đơn vị theo lĩnh vực được giao tham mưu | |
| 8.3 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành giải quyết công bằng các khiếu nại của doanh nghiệp | | | Thanh tra Sở | |
| 8.4 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị | | | Văn phòng Sở | |

| | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|
| 8.5 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành đề cao và phát huy vai trò của công nghệ | | | Phòng Quản lý công nghệ và Thị trường công nghệ | |
| 8.6 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành nghiêm minh với cán bộ cấp dưới | | | Văn phòng Sở | |
| 8.7 | Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành trực tiếp tham gia đối thoại và thực hiện các cam kết với doanh nghiệp | | | Các phòng, đơn vị theo lĩnh vực được giao tham mưu | |
| | <i>Mức độ doanh nghiệp ủng hộ lãnh đạo</i> | | | | |
| 8.8 | Mức độ ủng hộ của doanh nghiệp với người đứng đầu sở, ban, ngành | | | Các phòng, đơn vị theo lĩnh vực được giao tham mưu | |
| 8.9 | Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng cần thay đổi người đứng đầu sở, ban, ngành | | | Các phòng, đơn vị theo lĩnh vực được giao tham mưu | |